TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ XUYÊN** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST Ngày 14-9-2017 V/v Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYÊN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trần Thị Hoài**.
2. Bà **Nông Thị Thúy**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Quân** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1238/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L** – Sinh năm: 1988.
Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Kinh.
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.
Hôm nay có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Ngọc T** – Sinh năm: 1984.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh.
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.
Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15-6-2017 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị Phạm Thị Ltrình bày: Chị và anh T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 10 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh D. Sau khi kết hôn, chị L và anh T chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2012, thì chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do anh T bị mắc vào tệ nạn xã hội, thường xuyên mang đồ đạc vật dụng trong nhà đi cầm cố, không chăm lo đến gia đình, đánh đập chị L nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Chị L xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng,

không thể khắc phục được nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh T để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Ngọc T trình bày theo lời khai tại Tòa án ngày 21-7-2017: Anh T đã nhận được toàn bộ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khởi kiện tại Tòa án (bản photo) do chị L gửi cho anh qua đường bưu điện. Anh và chị L trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 10 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh D. Sau khi kết hôn, anh và chị L chung sống hạnh phúc với nhau, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Trong cuộc sống gia đình, đôi khi anh và chị L có bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh, anh T không nhất trí ly hôn với chị L vì mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn. Anh T có quan điểm muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị L chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Chị L có quan điểm đề nghị giải quyết cho chị L ly hôn với anh T để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về con chung, tài sản chung, công nợ chị L và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Đỗ Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Anh T không nhất trí ly hôn với chị L vì mâu thuẫn gia đình chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn. Anh T có quan điểm muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Về con chung, tài sản chung, công nợ: Anh T và chị L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Tranh chấp ly hôn của chị Phạm Thị L đối với anh Đỗ Ngọc T.
- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Ngọc T ly hôn.
- Về con chung; tài sản; công nợ chung không có, các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí; quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luận của người tiến hành tố tụng và người than gia tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Phạm Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết việc hôn nhân của chị và anh T. Theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thành. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 17-10-2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh D nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong cuộc sống, không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh T mắc vào tệ nạn xã hội nên thường xuyên mang những đồ dùng trong gia đình đi cầm cố, chơi bời không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L có đơn xin ly hôn với anh T. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T là phù hợp.

Tòa án nhận thấy do anh T mắc vào tệ nạn xã hội nên thường xuyên mang những đồ dùng trong gia đình đi cầm cố, chơi bời không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T không thể khắc phục được nữa, nên không chấp nhận yêu cầu quay về đoàn tụ của anh Đỗ Ngọc T.

[3] Về con chung: Chị L và anh T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Ngọc T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Tranh chấp ly hôn của chị Phạm Thị L đối với anh Đỗ Ngọc T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị L và anh Đỗ Ngọc T ly hôn.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 01833 ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh D (Chị L đã nộp đủ tiền án phí).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Phạm Thị L và anh Đỗ Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14-9-2017).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện C;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND xã B;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Anh Luyện

Bản án gốc thông qua tại phòng nghị án những nội dung đã thảo luận, các thành viên hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**